

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence



Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn
www.cpvietnam.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021



Hà Nội – Tháng 08 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 – 33

0191
CÔNG
TNH
KIỂM T
A VIET
CHI NH
MIỀN
HÀ

0875

NG
PH
TE C
ỆT N
XUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 08 ngày 14/06/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 ngày 14/06/2021 là 150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Huế	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 2804/2021/BB-ĐHCD ngày 28/04/2021 với mức tăng 150.000.000.000 đồng. Ngày 06/08/2021 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận số 127/GCN-UBCK về việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng 15.000.000 cổ phiếu, phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 1:1; Ngày đăng ký cuối cùng: 28/9/2021; Thời gian đăng ký mua cổ phiếu: 5/10/2021 đến 25/10/2021.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc – Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

9179
TY
H
DÁN
NAM
ÁNH
BẮC
ỘI-VN

17-C
Y
N
PITAL
AM
-TPH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đại diện cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc



MAI ANH TÁM

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2021

Số: 59/2021/BCSX – CPAMB1

Hà Nội ngày 28 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 28/08/2021 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số - 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Hồng Liên
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

010
CÔNG
TN
KIỂM
PA VI
CHI N
MIỀN
HỒ H

0508
CÔNG
CỔ P
EATE
VIỆT
VH XU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

	MS	TM	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		245.053.403.153	426.363.828.578
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.630.827.236	34.500.233.880
1. Tiền	111		12.630.827.236	32.175.134.296
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.325.099.584
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.633.036.300	80.750.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	80.633.036.300	80.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.672.149.633	105.374.503.541
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	28.169.249.033	50.876.428.609
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	60.344.954.775	40.089.237.733
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.7	193.000.000	250.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.10	15.964.945.825	14.158.837.199
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		44.154.956.012	202.077.794.643
1. Hàng tồn kho	141	5.6	44.154.956.012	202.077.794.643
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.962.433.972	3.661.296.514
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	28.348.057	16.586.364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.934.085.915	3.644.710.150
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.504.896.922	115.251.400.805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.160.286.047	1.102.675.560
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.160.286.047	1.102.675.560
- Nguyên giá	222		3.298.163.092	2.019.283.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.137.877.045)	(916.607.532)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.257.524.875	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	22.257.524.875	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	117.087.086.000	114.148.725.245
1. Đầu tư vào công ty con	251		69.950.000.000	82.979.352.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		33.722.086.000	18.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.625.000.000	6.625.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(245.626.755)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.790.000.000	6.790.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		386.558.300.075	541.615.229.383

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(Tiếp theo)

	MS	TM	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		204.684.470.566	362.166.415.382
I. Nợ ngắn hạn	310		203.816.613.271	361.917.082.054
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	10.595.790.594	258.514.190.348
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	38.678.962.587	73.804.942.774
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.288.522.795	1.880.098.629
4. Phải trả người lao động	314		52.402.504	54.644.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	97.821.259	40.605.575
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	367.500.030	3.205.179.943
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	152.735.613.502	24.417.420.648
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		867.857.295	249.333.328
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	867.857.295	249.333.328
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		181.873.829.509	179.448.814.001
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	181.873.829.509	179.448.814.001
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.228.224.584	18.803.209.076
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.803.209.076	14.168.135.627
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.425.015.508	4.635.073.449
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		386.558.300.075	541.615.229.383

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THỦY

Chủ tịch Hội đồng quản trị



MAI ANH TÂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.19	280.318.164.959	123.536.318.126
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.20	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.19	280.318.164.959	123.536.318.126
4. Giá vốn hàng bán	11	6.21	275.493.578.270	118.847.545.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.824.586.689	4.688.772.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.22	2.542.017.432	692.297.892
7. Chi phí tài chính	22	6.23	983.321.107	3.313.316.042
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.224.961.342	3.088.740.323
8. Chi phí bán hàng	25	6.24	1.089.520.297	370.605.750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.24	2.260.190.109	749.635.723
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.033.572.608	947.512.620
11. Thu nhập khác	31	6.25	148	2.344.000
12. Chi phí khác	32	6.25	1.842.697	4.644.359
13. Lợi nhuận khác	40		(1.842.549)	(2.300.359)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.031.730.059	945.212.261
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.27	606.714.551	189.042.452
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.425.015.508	756.169.809

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THỦY

MAI ANH TÂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.031.730.059	945.212.261
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		221.269.513	123.449.094
- Các khoản dự phòng	03		(245.626.755)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(206.678.233)	208.902.351
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.981.122.444)	(359.841.199)
- Chi phí lãi vay	06		1.224.961.342	3.088.740.323
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		2.044.533.482	4.006.462.830
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.530.413.254	16.507.814.875
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		157.922.838.631	(3.847.388.132)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(285.576.204.800)	(10.299.900.551)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(11.761.693)	4.524.182
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.246.066.917)	(3.100.396.544)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.198.290.385)	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(113.534.538.428)	3.071.116.660
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(23.536.404.875)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.528.036.300)	(6.715.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100.702.000.000	27.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.414.820.000)	(23.775.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.058.316.422	16.212.680.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.470.456.911	197.874.235
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.248.487.842)	12.920.554.235
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	205.118.475.643	183.322.224.716
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(76.204.856.017)	(188.635.661.196)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(9.150.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		128.913.619.626	(14.464.186.480)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(21.869.406.644)	1.527.484.415
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	34.500.233.880	9.309.485.304
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	12.630.827.236	10.836.969.719

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THỦY



MAI ANH TÂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 08 ngày 14/06/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 ngày 14/06/2021 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại thời điểm 30/06/2021 là 09 người (Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 08 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn...), Cho thuê nhà...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 30/06/2021, Công ty có 01 công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ CRC và 02 công ty liên kết; Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 03 công ty con: Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam, Công ty cổ phần CRC Power và Công ty cổ phần CRC Invest, cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,9%	99,9%	99,9%
Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	98,9%	98,9%	98,9%
Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	98,3%	98,3%	98,3%
Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	98,7%	98,7%	98,7%
Công ty liên kết					
Công ty cổ phần Gạch ngói Vinh Phúc (*)	Vinh Phúc	Gạch ngói	49%	49%	49%
Công ty TNHH Trường Sơn	Hà Nội	Gạch ngói	45%	45%	45%

(*): Từ ngày 27/05/2021 Công ty cổ phần Gạch ngói Vinh Phúc trở thành công ty liên kết của Công ty theo Nghị quyết số 320/2021/CRC/NQ-HĐQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Hàng hoá, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả.

- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua/bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm 30/06/2021

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Nguyên tắc kế toán các Khoản đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đối với các khoản đầu tư khác:

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá gốc của Mù cao su: Đích danh.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản dở dang dài hạn tại ngày 30/06/2021 của Công ty bao gồm Chi phí xây dựng dự án Phú Thọ và chi phí xây dựng dự án Hòa Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị các công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 12 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận Vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phân chênh lệch với số đã trích. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021 là số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu, Thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc kế toán Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí đi vay vốn

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, các khoản phụ cấp), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; các chi phí môi giới bán hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%). Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	3.866.065.054	1.752.778.924
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.764.762.182	30.422.355.372
Các khoản tương đương tiền	-	2.325.099.584
Tổng	12.630.827.236	34.500.233.880

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	80.633.036.300	80.633.036.300	80.750.000.000	80.750.000.000
Tiền gửi của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)	80.633.036.300	80.633.036.300	80.750.000.000	80.750.000.000
Bà Dương Thị Huyền	-	-	14.400.000.000	14.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung	32.133.036.300	32.133.036.300	17.600.000.000	17.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga (ii)	10.000.000.000	10.000.000.000	34.500.000.000	34.500.000.000
Ông Nguyễn Việt Giáp	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Bà Phạm Thị Huệ	-	-	11.250.000.000	11.250.000.000
Ông Nguyễn Đức Hòa	9.500.000.000	9.500.000.000	-	-
Bà Vũ Thị Phương	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-
Ông Lê Quang Thạch	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ông Nguyễn Việt Tú	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Dài hạn	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
- Trái phiếu	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam (iii)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iv)	290.000.000	290.000.000	290.000.000	290.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (v)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	87.423.036.300	87.423.036.300	87.540.000.000	87.540.000.000

Trong đó:

Tiền gửi ủy thác là các bên có liên quan 5.000.000.000 25.650.000.000

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

(i): Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2020 ngày 29/03/2020 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty có kỳ hạn từ 1-6 tháng với lãi suất từ 3,1% đến 6,05%/năm.

(ii): Khoản ủy thác cho các cá nhân đang được thế chấp cho các hợp đồng L/C.

(iii): Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

(iv): Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

(v): Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

Các trái phiếu này đang được thế chấp cho các khoản vay, Chi tiết tại thuyết minh số 5.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào công ty con			69.950.000.000	-	-	82.979.352.000
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc (ii)			-	-	-	31.444.172.000
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	99,9%	99,9%	69.950.000.000	-	-	51.535.180.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			33.722.086.000	-	-	18.000.000.000
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc (ii)	49%	49%	15.722.086.000	-	-	-
Công ty TNHH Trường Sơn	45%	45%	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác			6.625.000.000	-	-	6.625.000.000
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	17,43%	17,43%	6.625.000.000	-	-	6.625.000.000
Tổng			110.297.086.000	-	-	107.604.352.000

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Kỳ này

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021 đơn vị có lãi 5.070.310.772 đồng.

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021 đơn vị lỗ 571.547.999 đồng.

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021 đơn vị lãi 194.884.014 đồng.

+ Công ty cổ phần Công nghệ CRC

+ Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc

+ Công ty TNHH Trường Sơn

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii): Trong năm, Công ty giảm vốn tại Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc theo Nghị quyết số 320/2021/CRC/NQ-HDQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị. Giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 49% và chuyển từ công ty con sang công ty liên kết.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 8.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	16.394.206.060	3.954.537.114
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	-	4.121.243.813
Công ty cổ phần công nghệ EMP	-	30.644.623.728
Công ty AGROALYANS LLC	2.769.595.271	
Công ty TNHH Thảo Nguyên Xanh Kon Tum	2.877.303.500	3.778.303.500
Công ty TNHH Việt Hương	3.063.967.444	3.063.967.444
Các đối tượng khác	3.064.176.758	5.313.753.010
Tổng	28.169.249.033	50.876.428.609

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên có liên quan	541.176.614	541.176.614
--	-------------	-------------

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	7.800.000.000	-
Công ty SXTM Thành Nam BP	7.188.717.901	-
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	13.377.998.200	33.642.966.200
Công ty cổ phần công nghệ EMP	19.741.397.819	-
Công ty TNHH CT cơ điện Airsun Việt Nam	5.271.821.084	-
Công ty TNHH BG Solar	4.418.599.880	1.474.372.880
Các đối tượng khác	2.546.419.891	4.971.898.653
Tổng	60.344.954.775	40.089.237.733

Trong đó:

Trả trước cho người bán là các bên có liên quan	-	-
--	---	---

5.5 Chi phí trả trước

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	28.348.057	16.586.364
- Công cụ dụng cụ	28.348.057	16.586.364
Dài hạn	-	-
Tổng	28.348.057	16.586.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (i)	4.868.263	-	11.225.688.263	-
Chi phí SXKD dở dang	29.509.351.348	-	103.615.633.632	-
+ Dự án Dầu Tiếng	-	-	57.865.810.763	-
+ Dự án Bảo Lộc	-	-	22.508.814.574	-
+ Dự án Bình Định	-	-	22.651.074.141	-
+ Dự án Solar Cell	29.163.944.401	-	-	-
+ Dự án khác	345.406.947	-	589.934.154	-
Thành phẩm (i)	-	-	10.736.773.850	-
Hàng hoá (i)	14.640.736.401	-	76.499.698.898	-
Tổng	44.154.956.012	-	202.077.794.643	-

(i) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

Tên công ty	Loại hàng gửi	30/06/2021	01/01/2021
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Cao su thành phẩm	-	4.868.263
Ông Nguyễn Văn Đàng	Mủ cao su, cao su thành phẩm	4.868.263	40.584.292.541
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Nam BP	Nhân điều	-	19.795.108.858
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	Nhân điều	-	3.243.240.000

5.7 Phải thu về cho vay

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	193.000.000	250.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát (ii)	193.000.000	250.000.000
Dài hạn	-	-
Tổng	193.000.000	250.000.000

(ii) Theo thỏa thuận ngày 26/11/2020, Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát hoàn trả toàn bộ gốc vay trong năm 2021

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.257.524.875	22.257.524.875	-	-
- Công trình Hòa Bình	11.199.648.049	11.199.648.049	-	-
- Công trình Phú Thọ	11.057.876.826	11.057.876.826	-	-
Tổng	22.257.524.875	22.257.524.875	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	293.636.364	1.725.646.728	2.019.283.092
Tăng trong kỳ	-	1.278.880.000	1.278.880.000
Mua trong kỳ	-	1.278.880.000	1.278.880.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2021	293.636.364	3.004.526.728	3.298.163.092
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	99.615.359	816.992.173	916.607.532
Tăng trong kỳ	14.681.820	206.587.693	221.269.513
Khấu hao trong kỳ	14.681.820	206.587.693	221.269.513
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2021	114.297.179	1.023.579.866	1.137.877.045
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	194.021.005	908.654.555	1.102.675.560
Tại ngày 30/06/2021	179.339.185	1.980.946.862	2.160.286.047

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/06/2021 là 1.569.400.971 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 479.497.180 đồng).

Nguyên giá TSCĐ bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2021 là 0 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 đồng).

5.10 Phải thu khác

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	15.964.945.825		14.158.837.199	-
Tạm ứng	127.013.450	-	1.801.440.000	-
Phải thu khác	15.837.932.375	-	1.987.510.714	-
- Ông Nguyễn Quang Toàn (i)	12.663.769.578	-	-	-
- Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	1.464.974.782	-	1.164.974.782	-
- Phải thu lãi tiền gửi hợp đồng ủy thác và lãi trái phiếu	1.206.188.015	-	822.535.932	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	503.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	10.369.886.485	-
- Ngân hàng NN & PTNNVN - CN Hồng Hà	-	-	941.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN SDG	-	-	9.428.886.485	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	15.964.945.825	-	14.158.837.199	-

Trong đó:

Phải thu khác là các bên có liên quan 1.879.974.782 1.257.017.391

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

(i): Phải thu về chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2021/HDCNCP/GVP ngày 27/05/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.11 Phải trả người bán**

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	10.595.790.594	10.595.790.594	258.514.190.348	258.514.190.348
Công ty TNHH Vật liệu Làm nhà PLD	22.030.739	22.030.739	14.775.930.411	14.775.930.411
Công ty CP đầu tư xây dựng thương mại và dịch vụ Nam Sông Hồng	1.760.049.500	1.760.049.500	-	-
Công ty JASOLAR INTERNATIONAL LIMITED	7.707.996.204	7.707.996.204	117.528.600.838	117.528.600.838
Công ty JINKOSOLAR CO, LTD	-	-	40.789.599.365	40.789.599.365
Công ty ZNSHINE SOLAR	-	-	45.740.139.448	45.740.139.448
Các đối tượng khác	1.105.714.151	1.105.714.151	39.679.920.286	39.679.920.286
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	10.595.790.594	10.595.790.594	258.514.190.348	258.514.190.348

5.12 Người mua trả tiền trước

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	38.678.962.587	73.804.942.774
Công ty CP đầu tư phát triển thương mại SHP	8.299.680.104	32.132.591.182
Công ty TNHH xuất nhập khẩu TMDV Bắc Nam	227.501	11.267.070.255
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum	16.923.591.394	-
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	639.010.000	7.850.000.000
Công ty TNHH MTV Hà My	875.999.999	8.250.000.000
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	-	413.923.528
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	-	6.630.000.000
Công ty đầu Tư thương mại và phát triển T&H	7.108.961.260	-
Các đối tượng khác	4.831.492.329	7.261.357.809
Tổng	38.678.962.587	73.804.942.774

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan	8.299.680.104	32.546.514.710
---	----------------------	-----------------------

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2021
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	9.268.554.018	9.268.554.018	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.422.561.129	606.714.551	1.198.290.385	830.985.295
Thuế thu nhập cá nhân	457.537.500	-	-	457.537.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	4.709.615	4.709.615	-
Phải thu	-	-	-	-
Tổng	1.880.098.629	9.879.978.184	10.471.554.018	1.288.522.795

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	97.821.259	40.605.575
Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	97.821.259	21.105.575
Chi phí trích trước khác	-	19.500.000
Dài hạn	-	-
Tổng	97.821.259	40.605.575

5.15 Phải trả khác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	367.500.030	3.205.179.943
Bảo hiểm xã hội	12.320.087	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.000.000	33.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	255.590.677	255.590.677
Phải trả, phải nộp khác	66.589.266	2.916.589.266
<i>Công ty cổ phần Công nghệ CRC</i>	-	2.850.000.000
<i>Phải trả khác</i>	66.589.266	66.589.266
Dài hạn	-	-
Tổng	367.500.030	3.205.179.943

Trong đó:

Phải trả khác là các bên có liên quan - 2.850.000.000

Chi tiết tại thuyết minh số 8.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

a. Vay	30/06/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	152.526.367.594	152.526.367.594	204.301.572.838	76.148.625.888	24.373.420.644	24.373.420.644
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình {1}	80.901.119.581	80.901.119.581	99.242.242.556	34.127.832.950	15.786.709.975	15.786.709.975
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà {2}	49.948.799.165	49.948.799.165	71.983.858.430	30.118.922.625	8.083.863.360	8.083.863.360
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {3}	21.676.448.848	21.676.448.848	33.075.471.852	11.901.870.313	502.847.309	502.847.309
Vay dài hạn đến hạn trả	209.245.908	209.245.908	221.476.033	56.230.129	44.000.004	44.000.004
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng {4}	44.000.004	44.000.004	22.000.002	22.000.002	44.000.004	44.000.004
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	165.245.904	165.245.904	199.476.031	34.230.127	-	-
Cộng vay ngắn hạn	152.735.613.502	152.735.613.502	204.523.048.871	76.204.856.017	24.417.420.648	24.417.420.648
Vay dài hạn	867.857.295	867.857.295	840.000.000	221.476.033	249.333.328	249.333.328
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng {4}	227.333.326	227.333.326	-	22.000.002	249.333.328	249.333.328
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	640.523.969	640.523.969	840.000.000	199.476.031	-	-
Tổng	153.603.470.797	153.603.470.797	205.363.048.871	76.426.332.050	24.666.753.976	24.666.753.976

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn

{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình

Hợp đồng TDHM số 01/2021/8353501/HĐTD ngày 10/06/2021

Tại sân thể thao: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; 29 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng; 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

a. Vay (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Tiếp theo)

{2} Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà

Hợp đồng tín dụng số 1260LAV202100208 ngày 22/04/2021

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Khách sạn Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.

{3} Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân

Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HDCVHM/NHCT127 - CRC ngày 17/09/2020

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY 045357 của Ông Mai Anh Tám và bà Trần Thị Thu Hiền; 60.000 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

{4} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng

Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 692/2020/HĐTD/TTB MB4/01 ngày 21/08/2020

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast Fadil BKS 30G-486.94

{5} Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0658

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.17 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	150.000.000.000	-	10.645.604.925	14.234.724.893	174.880.329.818
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.635.073.449	4.635.073.449
Tăng khác	-	1.067.753.431	-	-	1.067.753.431
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	(66.589.266)	(66.589.266)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(1.067.753.431)	-	-	(1.067.753.431)
Số dư tại 01/01/2021	150.000.000.000	-	10.645.604.925	18.803.209.076	179.448.814.001
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.425.015.508	2.425.015.508
Tăng khác	-	206.678.233	-	-	206.678.233
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(206.678.233)	-	-	(206.678.233)
Số dư tại 30/06/2021	150.000.000.000	-	10.645.604.925	21.228.224.584	181.873.829.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ông Mai Anh Tám	15.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	135.000.000.000	135.000.000.000
Tổng cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ tức		Đồng/cổ phiếu

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (i)

500 đồng/ cổ phiếu

(i): Theo Nghị quyết HĐQT số 110/2021/NQ-HĐQT ngày 12/08/2021 công bố thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức vào 28/09/2021 và thời gian thực hiện chi trả là 18/10/2021.

d. Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

5.18 Các khoản mục ngoại bảng**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2021	01/01/2021
Dollar Mỹ (USD)	2.408,47	1.738,86

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	97.673.801.320	112.506.066.787
Doanh thu cung cấp dịch vụ	206.181.818	194.727.273
Doanh thu hợp đồng xây dựng, kinh doanh	182.438.181.821	10.835.524.066
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Tổng	280.318.164.959	123.536.318.126
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan	-	10.835.524.066
Chi tiết tại thuyết minh số 8.1		

6.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-

6.21 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	94.017.007.307	110.813.799.771
Giá vốn cung cấp dịch vụ	27.272.730	27.272.730
Giá vốn hợp đồng xây dựng, kinh doanh	181.449.298.233	8.006.473.382
Tổng	275.493.578.270	118.847.545.883

6.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	1.981.122.444	359.841.199
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	354.216.755	93.561.234
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	206.678.233	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	238.895.459
Tổng	2.542.017.432	692.297.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**6.23 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	1.224.961.342	3.088.740.323
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.986.520	15.673.368
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	208.902.351
Dự phòng các khoản đầu tư	(245.626.755)	-
Tổng	983.321.107	3.313.316.042

6.24 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
Chi phí bán hàng	1.089.520.297	370.605.750
Chi phí xuất khẩu	1.047.502.349	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	42.017.948	370.605.750
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.260.190.109	749.635.723
Chi phí nhân viên	423.176.315	276.402.388
Chi phí công cụ quản lý	19.856.534	24.524.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	206.587.693	108.767.274
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.424.727.257	331.643.438
Chi phí khác bằng tiền	182.842.310	5.298.441
Tổng	3.349.710.406	1.120.241.473

6.25 Thu nhập khác và chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	148	2.344.000
Tổng	148	2.344.000
Chi phí khác		
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.709.615	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm	133.082	651.679
Chi phí khác	-	3.992.680
Tổng	1.842.697	4.644.359
Thu nhập khác/Chi phí khác (Thuần)	(1.842.549)	(2.300.359)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**6.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.286.414.680	11.125.385.266
Chi phí nhân công	423.176.315	776.642.388
Chi phí khấu hao TSCĐ	221.269.513	123.449.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.552.058.736	1.236.810.870
Chi phí khác bằng tiền	185.842.310	8.298.441
Tổng	110.668.761.554	13.270.586.059

6.27 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.031.730.059	945.212.261
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	1.842.697	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.842.697</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	3.033.572.756	945.212.261
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	606.714.551	189.042.452
Tổng	606.714.551	189.042.452

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
7.1 Thanh lý công ty con trong kỳ		
Tổng giá trị thanh lý	15.722.086.000	-
Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền	3.058.316.422	-
7.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	205.118.475.643	183.322.224.716
7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường	76.204.856.017	188.635.661.196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

8. THÔNG TIN KHÁC**8.1 Thông tin về các bên liên quan****a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
	VND	VND
Tiền lương và phụ cấp	74.512.800	109.541.600
Tổng cộng	74.512.800	109.541.600

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
			VND	VND
Mua hàng				
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Thanh toán tiền hàng	-	4.580.184.113
Công ty CP CRC Solar Cell	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Thanh toán tiền hàng	-	196.500.000
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Mua hàng hóa	10.336.717.000	380.000.000
		Thanh toán tiền	35.203.299.778	-
		Bù trừ công nợ	23.832.911.078	-
Bán hàng				
Công ty CP CRC Solar Cell	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Doanh thu xây lắp	-	10.835.524.066
		Thu tiền cung cấp dịch vụ	-	13.150.000.000
		Bù trừ công nợ	12.126.923.528	1.783.500.000
		Thu tiền ứng trước	12.440.000.000	-
		Trả lại tiền ứng trước	727.000.000	-
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	Thu tiền bán hàng	-	200.000.000
	Bên liên quan của TGD đến ngày 22/5/2021			
Công ty CP điện Nhật Nguyên Xanh		Tạm ứng tiền hàng	-	300.000.000
Tiền gửi ủy thác				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Tất toán tiền gửi ủy thác	14.400.000.000	-
		Lãi tiền gửi	66.954.585	-
		Thu lãi tiền gửi	107.029.658	-
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	1.000.000.000	-
		Tất toán tiền gửi	12.250.000.000	-
		Lãi tiền gửi	147.205.479	-
		Thu lãi tiền gửi	188.049.315	-
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc của công ty con	Nhận ủy thác	5.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND
Phải thu, phải trả khác				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết Có cùng chủ	Chi tiền cho mượn	300.000.000	350.000.000
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	tịch HDQT	Chi tiền cho mượn	-	205.000.000
		Thu tiền cho mượn	-	205.000.000
Công ty CP công nghệ CRC	Công ty con	Chi tiền cho mượn	292.000.000	-
Công ty cổ phần CRC Invest	Công ty con	Chi tiền cho mượn	63.000.000	-
Công ty cổ phần CRC Power	Công ty con	Chi tiền cho mượn	60.000.000	-
	Có cùng chủ			
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	tịch HDQT	Mượn tiền	199.967.000	-
		Trả lại tiền	199.967.000	-
Công ty CP công nghệ CRC	Công ty con	Thu hộ	1.755.000.000	-
		Trả hộ	4.605.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	541.176.614	541.176.614
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP CRC Solar Cell	Có cùng CT. HDQT	-	413.923.528
Công ty CP đầu tư phát triển TM SHP	Bên liên quan của TGD	8.299.680.104	32.132.591.182
Tiền gửi ủy thác			
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	-	14.400.000.000
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng BKS	-	11.250.000.000
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc của công ty con	5.000.000.000	-
Phải thu khác			
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết	1.464.974.782	1.164.974.782
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	-	40.843.836
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng BKS	-	51.198.773
Công ty CP công nghệ CRC	Công ty con	292.000.000	-
Công ty cổ phần CRC Invest	Công ty con	63.000.000	-
Công ty cổ phần CRC Power	Công ty con	60.000.000	-
Phải trả khác			
Công ty CP công nghệ CRC	Công ty con	-	2.850.000.000

d. Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Lãi suất cho vay, giá dịch vụ, hàng hóa của các bên liên quan cung cấp là giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 2804/2021/BB-ĐHCD ngày 28/04/2021 với mức tăng 150.000.000.000 đồng. Ngày 06/08/2021 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận số 127/GCN-UBCK về việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng 15.000.000 cổ phiếu, phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 1:1; Ngày đăng ký cuối cùng: 28/9/2021; Thời gian đăng ký mua cổ phiếu: 5/10/2021 đến 25/10/2021.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THỦY

Chủ tịch Hội đồng quản trị



MAI ANH TÂM